**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN 9**

**HÈ 2023**

- Thời lượng: 4 tiết/tuần

- Thời gian: 7 tuần (Từ ngày 3/7/2023 đến ngày 19/8/2023)

- Mục tiêu:Củng cố kiến thứccơ bản chuẩn bị cho học chương trình lớp 9 và kiểm tra khảo sát chất lượng đầu năm học.

**Chuyên đề 1:** **Ôn tập tiếng Việt (Từ vựng tiếng Việt)**

**I. Phân loại từ vựng tiếng Việt theo cấu tạo**

**1. Ôn kiến thức**

Phân loại từ vựng theo cấu tạochia làm 2 loại: Từ đơn và từ phức

a. Từ đơn: là từ chỉ có 1 tiếng có nghĩa .

VD: bố, mẹ, xanh, có, không…

b. Từ phức: là từ gồm có hai hay nhiều tiếng.

VD: bà ngoại, sách vở, sạch sẽ…

- Từ phức gồm 2 loại: Từ ghép và từ láy

+ Từ ghép: là những từ phức trong đó các tiếng có mối quan hệ với nhau về nghĩa.

VD: cây bàng, bút bi, sách vở, ông bà,…

Từ ghép có 2 loại:

* Từ ghép đẳng lập (bố mẹ, bàn ghế…)
* Từ ghép chính phụ (cây cam, xe máy..)

+ Từ láy là những từ phức trong đó các tiếng có quan hệ láy âm, láy vần.

VD: đo đỏ, bần bật, sạch sành sanh, lâm thâm…

Từ láy gồm 2 loại:

* Láy toàn bộ (đo đỏ, bần bật, ầm ầm…)
* Láy bộ phận (long lanh, lâm thâm,…)

**2. Luyện tập**

**Bài 1:** Vẽ sơ đồ phân loại từ theo cấu tạo.

**Bài 2:**Xác định các từ đơn, từ ghép, từ láy có trong đoạn văn sau:

 "Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Cứ chốc chốc, tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa hai chân lên vuốt râu."

Từ đơn:

Từ ghép:

Từ láy:

**Bài 3.** Cho các từ láy: lẩm cẩm, hí hửng, ba ba, thuồng luồng, róc rách, đu đủ, ầm ầm, chôm chôm, xao xác, hổn hển, ngậm ngùi, cào cào, bìm bịp, thoang thoảng, ù ù, lí nhí, xôn xao, bồn chồn.

a.Hãy sắp xếp các từ láy trên vào 2 nhóm: láy hoàn toàn, láy bộ phận.

b. Phân biệt sự khác nhau giữa 2 từ *róc rách* và *ào ào.*

**Bài 4.**Viết đoạn (10 câu trở lên) văn (chủ đề GV tự chọn) trong đó có ít nhất 3 từ láy.

***Gợi ý***

**Bài 1**: Sơ đồ

Cấu tạo từ tiếng Việt

Từ đơn

Từ phức

Từ ghép

Từ láy

Từ ghép đẳng lập

Từ ghép chính phụ

Từ láy toàn bộ

Từ láy bộ phận

Láy vần

Láy phụ âm đầu

**Bài 2:**Xác định các từ đơn, từ ghép, từ láy có trong đoạn văn sau:

 "Bởi/ tôi/ ăn uống/ điều độ/ và/ làm việc/ chừng mực/ nên/ tôi/ chóng lớn/ lắm/. Cứ/ chốc chốc/, tôi/ lại/ trịnh trọng/ và /khoan thai/ đưa/hai/ chân/ lên/ vuốt/ râu."

**II. Phân loại từ theo quan hệ nghĩa**

**1. Ôn kiến thức**

**a. Từ đồng nghĩa**: Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

- Có 2 loại từ đồng nghĩa:

+ *Từ đồng nghĩa hoàn toàn* (không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa).

*VD :* trái, quả.

+ *Từ đồng nghĩa không hoàn toàn* (có sắc thái nghĩa khác nhau).

*VD :* bỏ mạng, hi sinh.

**b. Từ trái nghĩa**: là những từ có nghĩa trái ngược nhau.

***VD :*** xấu - đẹp ; trắng - đen ;…….

**c.Từ đồng âm**: Là những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan đến nhau.

VD: Con ruồi **đậu** mâm xôi **đậu**.

**d. Từ nhiều nghĩa**: Là từ có một nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ nhiều nghĩa bao giờ cũng có một mối quan hệ với nhau dựa trên cơ sở nghĩa gốc.

\* Lưu ý: Phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa.

**2. Luyện tập.**

**Bài 1.** Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau:

thật thà, giỏi giang, cứng cỏi, hiền lành, nhỏ bé, nông cạn, sáng sủa, thuận lợi, vui vẻ, cao thượng, cẩn thận, siêng năng, nhanh nhảu, đoàn kết, hoà bình.

**Bài 2:**Đặt 3 câu với 3 cặp từ trái nghĩa ở bài 1.

**Bài 3**. Tìm các từ nhiều nghĩa của từ: ăn, mắt, cổ…

**Bài 4**. Viết đoạn văn (10 câu trở lên) nói về một người thân mà em yêu quý nhất trong đó có các từ đồng nghĩa, trái nghĩa.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Chuyên đề 2: Ôn tập văn tự sự**

**I. Ôn tập kiến thức cơ bản**

***1. Khái niệm***:Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.

***2. Một số đặc điểm cơ bản:***

- *Nhân vật*: Nhân vật trong văn tự sự là kẻ thực hiện các sự việc và là kẻ được thể hiện trong văn bản. Nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện tư tưởng của văn bản, nhân vật phụ chỉ giúp nhân vật chính hoạt động. Nhân vật được thể hiện qua các mặt: tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm,…

*- Sự việc*: Sự việc trong văn tự sự được trình bày một cách cụ thể: sự việc xảy ra trong thời gian, địa điểm cụ thể, do nhân vật cụ thể thực hiện, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả,… Sự việc trong văn tự sự được sắp xếp theo một trật tự, diễn biến sao cho thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt.

- *Ngôi kể*: Người kể chuyện có vai trò dẫn dắt người đọc đi vào câu chuyện, như giới thiệu nhân vật tình huống, tả người, tả cảnh, đưa ra các nhận xét, đánh giá hay bộc lộ thái độ, cảm xúc trước những điều được kể.

Người đứng ra kể chuyện có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, với những ngôi kể khác nhau.

+ Ngôi thứ nhất: bộc lộ được những tâm tư tình cảm, suy nghĩ trực tiếp của nhân vật một cách sâu sắc.

+ Ngôi thứ ba: thể hiện được sự khách quan với câu chuyện được kể, phạm vi câu chuyện được kể trong không gian lớn hơn và có thể cùng lúc. Người kể giấu mình nhưng lại có mặt khắp nơi trong văn bản.

Mỗi ngôi kể đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định, nên cần lựa chọn ngôi kể cho phù hợp và có thể chuyển đổi ngôi kể trong câu chuyện.

- *Chủ đề*: Mỗi câu chuyện đều mang một ý nghĩa xã hội nhất định. Ý nghĩa đó được toát lên từ những sự việc, cốt truyện. Mỗi văn bản tự sự thường có một chủ đề; cũng có văn bản có nhiều chủ đề, trong đó có một chủ đề chính.

- *Lời văn tự sự* : chủ yếu là kể người, kể việc. Khi kể người thì có thể giới thiệu tên, lai lịch, tính tình, tài năng, ý nghĩa của nhân vật. Khi kể việc thì kể các hành động, việc làm, kết quả và sự đổi thay do các hành động ấy đem lại.

- *Thứ tự kể*: Khi kể chuyện, có thể kể các sự việc liên tiếp nhau theo thứ tứ tự nhiên, việc gì xảy ra trước kể trước, việc gì xảy ra sau kể sau, cho đến hết. Nhưng để gây bất ngờ, gây chú ý, hoặc thể hiện tình cảm nhân vật, người ta có thể đem kết quả hoặc sự việc hiện tại kể ra trước, sau đó mới dùng cách kể bổ sung hoặc để nhân vật nhớ lại mà kể tiếp các việc đã xảy ra trước đó.

***3. Sự đan xen yếu tố của các phương thức biểu đạt khác:***

Văn tự sự nếu chỉ kể sự việc không sẽ khô khan, không hấp dẫn nên có sự kết hợp các yếu tố của các phương thức biểu đạt khác.

* *Miêu tả trong văn tự sự:*

+ Miêu tả bên ngoài: miêu tả ngoại hình nhân vật, làm cho các nhân vật có hình dáng riêng, cụ thể; miêu tả cảnh vật làm cho sự việc thêm cụ thể, chi tiết chân thực, sinh động, gợi cảm.

+ Miêu tả nội tâm nhân vật: diễn tả tâm tư tình cảm, cảm xúc, những trạng thái tình cảm của nhân vật, khiến cho nhân vật đước thể hiện đầy đủ, sâu sắc hơn.

Miêu tả nội tâm là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, thể hiện tính cách nhân vật, từ đó thể hiện tư tưởng nhà văn về cuộc đời, nhân vật tạo nên sức hấp dẫn và ấn tượng đối với người đọc.

Miêu tả nội tâm trực tiếp bằng cách diễn đạt những ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật. Miêu tả nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả cảnh vật, cử chỉ, nét mặt, trang phục của nhân vật.

* *Biểu cảm trong tự sự:*

Biểu cảm trực tiếp hoặc gián tiếp đều giúp cho nhân vật thể hiện được thế giới nội tâm của mình, thể hiện cảm xúc chân thực, có khi là cảm xúc của chính tác giả, người kể chuyện trong quá trình kể chuyện.

* *Nghị luận trong tự sự (lớp 9 )*

Lập luận thể hiện thông qua đối thoại; đối thoại giữa các nhân vật, đối thoại với chính mình, trong đó người kể chuyện hoặc nhân vật nêu lên những nhận xét, suy luận, phán đoán, lí lẽ, dẫn chứng, …nhằm bày tỏ quan điểm, thuyết phục người nghe (đọc) về một vấn đề nào đó. Hình thức lập luận làm cho câu chuyện thêm phần triết lí sâu sắc.

***4. Cấu trúc*** : gồm ba phần:

- Mở bài: Giới thiệu nhân vật và sự việc chính của câu chuyện.

- Thân bài: Diễn biến sự việc theo một trìmh tự nhất định, thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt.

- Kết bài: Kết thúc câu chuyện, thái độ của người kể.

**II. Luyện tập ( Một số đề tham khảo)**

**Đề 1**. Kể lại lần em nhận được món quà bất ngờ trong dịp sinh nhật hay lễ Tết….

( Kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm).

**Đề 2.**  Mỗi một chuyến đi luôn để lại những kỉ niệm đẹp khó quên. Hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ của em trong chuyến đi thực tế ấy (Chuyến đi cùng gia đình, bạn bè…).

(Kể chuyện kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Chuyên đề 3: Ôn tập Tiếng Việt (Từ vựng tiếng Việt) (TT)**

**III. Trường từ vựng, Từ tượng thanh, Từ tượng hình**

**1. Ôn tập kiến thức**

- Trường từ vựng: Là tập hợp những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

VD: Trường từ vựng chỉ trạng thái tâm lí: *vui, buồn, mừng, giận*

- Từ tượng thanh: Là những từ mô phỏng âm thanh của người, vật trong tự nhiên và đời sống. VD: oa oa, ha ha, ào ào, rì rào …

- Từ tượng hình: là những từ mô phỏng hình dáng, điệu bộ của người, vật.

VD: lon ton, khật khưỡng, mượt mà …

**2. Luyện tập:**

**Bài 1.** Trong các từ sau, từ nào là từ tượng hình, từ nào là từ tượng thanh?

Réo rắt, dềnh dàng, dìu dặt, thập thò, mấp mô, sầm sập, gập ghềnh, đờ đẫn, ú ớ, rộn ràng, thườn thượt, rủng rỉnh, lụ khụ.

**Bài 2.** Tìm các từ tượng hình trong đoạn thơ sau đây và cho biết giá trị gợi cảm của mỗi từ.

Bác Hồ đó, ung dung châm lửa hút

Trán mênh mông, thanh thản một vùng trời

Không gì vui bằng mắt Bác Hồ cười

Quên tuổi giờ, tươi mãi tuổi đôi mươi!

Người rực rỡ một mặt trời cách mạng

Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng

Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người

(Tố Hữu)

**Bài 3.** Trong đoạn văn sau đây, những từ nào là từ tượng hình? Sử dụng các từ tượng hình trong đoạn văn Nam Cao muốn gợi tả đặc điểm nào của nhân vật?

Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thong thả bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa bơi cánh tay kềnh kệnh ra hai bên, những khối bịt ở bên dưới nách kềnh ra và trông tủn ngủn như ngắn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ.

**Câu 4.** Viết đoạn văn tả mùa hè. Trong đoạn văn có sử dụng từ tượng hình, tượng thanh, trường từ vựng (ghi lại xuống dưới các từ tượng hình, tượng thanh, trường từ vựng trong đoạn văn vừa viết).

**Gợi ý**

**Bài 1.**

- Từ tượng hình: dềnh dàng, dìu dặt, thập thò, mấp mô, gập ghềnh, đỡ đần, rộn ràng, thườn thượt, rủng rỉnh, lụ khụ.

- Từ tượng thanh: réo rắt, sầm sập, ú ớ.

**Bài 2.** Từ tượng hình: Ung dung, mênh mông, thanh thản, rực rỡ.

◊ Các từ tượng hình trên được đặt trong ngữ cảnh gắn liền với sự vật, hành động làm cho sự vật hành động trở nên cụ thể hơn, tác động vào nhận thức của con người mạnh mẽ hơn.

**Bài 3.** Từ tượng hình: Khệnh khạng, thong thả, khềnh khệnh, tủn ngủn, nặng nề, chững chạc, bệ vệ.

◊ Sử dụng từ tượng hình trong đoạn văn trên tác giả muốn lột tả cái béo trong dáng điệu của nhân vật Hoàng.

**Bài 4.**

- Đảm bảo hình thức một đoạn văn.

- Đảm bảo nội dung tả mùa hè, trong đoạn văn có sử dụng từ tượng hình, tượng thanh, trường từ vựng để miêu tả thiên nhiên.

**IV. Từ loại tiếng Việt (học ở lớp 8)**

**1. Ôn tập kiến thức**

**- Trợ từ**: Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hay biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.

VD: những, có, chính, đích, ngay...

**- Thán từ**: Là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi nó được tách ra thành 1 câu đặc biệt.

Thán từ gồm 2 loại chính:

+ Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: a, ái, ối,...

+ Thán từ gọi-đáp: này, ơi, vâng, dạ, ừ...

**- Tình thái từ:** Là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.

Tình thái từ gồm một số loại đáng chú ý sau:

+ Tình thái từ nghi vấn: à, ư, hả, hử, chứ, chăng...

+ Tình thái từ cầu khiến: đi, nào, với...

+ Tình thái từ cảm thán: thay, sao,...

+ Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm: ạ, nhé, cơ mà...

Khi nói và viết cần chú ý sử dụng tình thái từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm...)

**2. Luyện tập**

**Bài 1. Xác định trợ từ, thán từ, tình thái từ trong các câu sau:**

a, Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi ông Giáo ạ! (Lão Hạc, Nam Cao)

b, Vâng, ông Giáo dạy phải đối với chúng mình thế là sung sướng. (Lão Hạc, Nam Cao)

c. Con chó của cháu nó mua đấy chứ! (Lão Hạc, Nam Cao)

**Trả lời:**

a, ⇒ Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm: "ạ".

b, ⇒ Thán từ gọi đáp: "Vâng".

c, ⇒ Tình thái từ nghi vấn: "chứ".

**Bài 2:** Xác định từ loại cho các từ in đậm sau đây:

a) Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc…Toàn **những** cớ cho ta tàn nhẫn.

b) Đường trơn, trời lạnh **mà** nó vẫn đến đúng giờ mà.

c) Có **mà** mày bị điếc.

d) Anh ấy **đang** học bài.

e) Có chí thì **nên.**

f) Anh **nên** đi vào buổi sáng.

g) Vì hoa **nên** phải đánh đường tìm hoa.

h) Em đừng khóc nữa **mà.**

i) Anh nói như **vậy** thì tôi sẽ đi.

k) Trời mưa **nên** tôi đành ở nhà vậy.

l) Anh **à**, em muốn hỏi anh bài toán này.

m) **Khốn nạn**! Nó bỏ đi rồi ư?

n) **Đích thị** là nó chạy ra ngõ.

**TL:**

a. những: lượng từ b. mà: quan hệ từ c. mà: trợ từ d. đang: phó từ

e. nên: danh từ f. nên: động từ g. nên: quan hệ từ h. mà: trợ từ

i. vậy: đại từ k. nên: quan hệ từ l. à: thán từ

m. khốn nạn: tình thái từ n. đích thị: trợ từ

**Bài 3**. **Viết** một đoạn văn có sử dụng trợ từ, thán từ, tình thái từ.

Gợi ý: kể một đoạn hội thoại

**V. Các biện pháp tu từ**

**1. Ôn tập kiến thức**

Các biện pháp tu từ đã học: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, điệp ngữ, liệt kê, chơi chữ, nói quá, nói giảm nói tránh,

**2. Luyện tập**

**Bài 1. Em hãy xác định câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào?**

“Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.”

**Trả lời:**

Nhân hóa: Thuyền im – bến mỏ i- nằm

Con thuyền sau một chuyến ra khơi vất vả trở về, nó mỏi mệt nằm im trên bến. Con thuyền được nhân hóa gợi cảm nói lên cuộc sống lao động vất vả, trải qua bao sóng gió thử thách. Con thuyền chính là biểu tượng đẹp của dân chài.

**Bài 2. Em hãy sưu tầm 2 câu thơ, văn có sử dụng phép tu từ từ vựng, chỉ ra thuộc phép tu từ nào?**

**Trả lời:** - Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu.

- Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

- Nhân hóa: buồn, sầu

- Nói quá: Mồ hôi như mưa

Bài 3. **Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo của những câu thơ sau:**

a, Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

(Hồ Chí Minh, Ngắm trăng)

b, Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

(Nguyễn Khoa Điềm, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ)

**Trả lời:**

a. Phép nhân hoá: nhà thơ đã nhân hoá ánh trăng, biến trăng thành người bạn tri âm, tri kỉ.

- Nhờ phép nhân hoá mà thiên nhiên trong bài thơ trở nên sống động hơn, có hồn hơn và gắn bó với con người hơn.

b. Phép ẩn dụ tu từ: từ mặt trời trong câu thơ thứ hai chỉ em bé trên lưng mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng niềm tin của mẹ vào ngày mai.

**Bài 4. Xác định biện pháp tu từ từ vựng trong đoạn thơ sau. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó**

*“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang*

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”.*

(Tế Hanh – Quê hương)

**Trả lời:** **\* Biện pháp tu từ từ vựng**

+ So sánh “chiếc thuyền” như “con tuấn mã” và cánh buồm như “mảnh hồn làng” đã tạo nên hình ảnh độc đáo; sự vật như được thổi thêm linh hồn trở nên đẹp đẽ.

+ Cánh buồm còn được nhân hóa như một chàng trai lực lưỡng đang “rướn” tấm thân vạm vỡ chống chọi với sóng gió.

**\* Tác dụng**

- Góp phần làm hiện rõ khung cảnh ra khơi của người dân chài lưới. Đó là một bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống của người dân vùng biển.

- Thể hiện rõ sự cảm nhận tinh tế về quê hương của Tế Hanh...

- Góp phần thể hiện rõ tình yêu quê hương sâu nặng, da diết của nhà thơ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Chuyên đề 4: Ôn tập văn nghị luận**

**I. Ôn kiến thức cơ bản**

**1. Khái niệm:**

Văn nghị luận là loại văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận.

**2**. **Đặc điểm của văn nghị luận:**

- Luận điểm: Là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định), được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán. Luận điểm là linh hồn của bài viết, nó thống nhất các đoạn văn thành một khối. Luận điểm phải đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế thì mới có sức thuyết phục.

- Luận cứ: là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu thì mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục.

- Lập luận là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ, hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.

**3. Các phương pháp lập luận** :

- Phương pháp chứng minh: mục đích làm sáng tỏ vấn đề, dùng lí lẽ và dẫn chứng để khẳng định tính đúng đắn của vấn đề.

- Phương pháp giải thích: chỉ ra nguyên nhân, lí do, quy luật của sự việc hiện tượng được nêu trong luận điểm. Trong văn nghị luận, giải thích là làm sáng tỏ một từ, một câu, một nhận định.

- Phương pháp phân tích: là cách lập luận trình bày từng bộ phận, phương diện của một vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của sự vật, hiện tượng. Để phân tích nội dung của một sự vật, hiện tượng, người ta có thể vận dụng các biện pháp nêu giả thiết, so sánh đối chiếu,… và cả phép lập luận giải thích, chứng minh.

**4. Cấu trúc :**

- Mở bài (đặt vấn đề): Giới thiệu vấn đề, tầm quan trọng của vấn đề, nêu được luận điểm cơ bản cần giải quyết.

- Thân bài ( giải quyết vấn đề): Triển khai các luận điểm, dùng lí lẽ dẫn chứng lập luận để thuyết phục người nghe theo quan điểm đã trình bày.

- Kết bài ( kết thúc vấn đề): Khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề đã nêu.

**5. Dàn ý chung bài văn nghị luận xã hội**

**a. Nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí**

**Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận

**Thân bài:**

- Giải thích (từ ngữ, câu,…)

- Bàn luận: (Tại sao? Ý nghĩa? Vai trò? )

+ Lí lẽ

+ Dẫn chứng

- Phản đề (Ca ngợi? Phê phán?)

- Bài học nhận thức và hành động.

**Kết bài:** Khẳng định vấn đề nghị luận và liên hệ bản thân.

**b. Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống**

**Mở bài:**  Giới thiệu vấn đề nghị luận

**Thân bài**

1. Nêu thực trạng

2. Nguyên nhân (khách quan/ chủ quan)

3. Tác hại

4. Giải pháp

(**CHÚ Ý**: Phân tích, chứng minh, giải thích,…tiêu biểu và xác thực)

**Kết bài:** Khẳng định vấn đề nghị luận và liên hệ bản thân.

**II. Luyện tập ( Một số đề tham khảo)**

**Đề số 1.**

**Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ thiết tha căn dặn:**

**"*Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ ở công học tập của các em."***

**Suy nghĩ của em về lời dạy của Bác?**

**Dàn ý:**

**I. MỞ BÀI**

- Nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ thiết tha căn dặn:

"*Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ ở công học tập của các em."*

- Lời dạy của Bác có ý nghĩa như thế nào với thế hệ trẻ chúng ta?

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích lời dạy của Bác**

- Công học tập của HS hôm nay sẽ ảnh hưởng đến tương lai đất nước.

- Bác khẳng định vai trò của tuổi trẻ với tương lai dân tộc, việc học tập của HS là quan trọng với đất nước.

**2. Bàn luận**

***\* Tại sao việc học tập của thế hệ trẻ lại ảnh hưởng đến tương lai đất nước?***

- Thanh niên HS hôm nay sẽ là thế hệ tiếp tục bảo vệ, xây dựng đất nước sau này.

- Tri thức được học ở trường là quan trọng, cơ bản để tiếp tục học cao, học rộng, đem ra thực hành trong cuộc sống khi trưởng thành.

- Thế hệ trẻ có đức, tài hôm nay hứa hẹn một lớp công dân tốt của tương lai gần.

- Thế giới không ngừng phát triển, muốn “sánh vai các cường quốc” thì thế hệ trẻ càng phải học học tập , tu dưỡng thời trẻ.

- Dẫn chứng:

+ Ngày xưa: Lí Công Uẩn, Nguyễn Trãi,…từ thời trẻ đã chăm chỉ luyện rèn, trưởng thành lập những chiến công lớn làm rạng danh đất nước.

+ Ngày nay: Bác Hồ, các nhà khoa học, xã hội có nhiều đóng góp cho đất nước,…

***\* Phê phán một số người trẻ không học hành, lười biếng, ăn chơi,…***

**3. Làm thế nào để thực hiện lời Bác dạy?**

- Xác định mục đích học tập: học để xây dựng đất nước, phục vụ nhân dân.

- Xác định nội dung học tập: rèn đạo đức, nắm vững tri thức, rèn thể lực...

**III. KẾT BÀI**

- Lời dạy của Bác thật đúng đắn, có ý nghĩa lớn lao.

- Phải thực hiện tốt lời Bác dạy.

**Đề 2.** Hiện tượng HS nghiện trò chơi điện tử.

**I. Mở bài**

- Sự phát triển của công nghệ thông tin đem đến nhiều lợi ích, trong đó có game.

- Hiện nay, một bộ phận HS mê game gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, học tập, nhân cách,…

**II. Thân bài**

**1. Thực trạng**

- Trò chơi điện tử (game) là trò chơi trên thiết bị điện tử (máy tính, điện thoại).

- Các cửa hàng game mọc lên ở khắp nơi; điện thoại thông minh có game rất thuận tiện để chơi

-> Một bộ phận HS choi game đến quên ăn, quên ngủ, sao nhãng học tập, nhân cách,…

**2. Nguyên nhân**

- Bản thân thiếu ý thức tự giác, tự chủ, dễ dãi, đua đòi,…

- Khách quan:

+ Bạn bè rủ rê, lôi kéo.

+ Game với nhiều trò chơi hấp dẫn, bí ẩn (nhất là chơi trực tuyến)

+ Game giúp thư giãn, giảm căng thẳng sau những giờ học; rèn khả năng phản xạ nhanh.

+ Gia đình thiếu quan tâm, kiểm soát hoặc nuông chiều,…

**3. Tác hại**

- Nhiều trò chơi mang tính bạo lực, ảnh hưởng xấu đến nhân cách (nóng nảy, nói dối, trộm cắp,…)

- Ảnh hưởng đến học tập (sao nhãng học tập, trốn học,…)

- Ảnh hưởng đến sức khỏe (mắt kém, cơ thể suy nhược,…)

- Tốn nhiều thời gian, tiền bạc.

**4. Giải pháp**

- Bản thân phải có ý chí, nghị lựa, biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí hợp lí.

- Chơi có giờ giấc, mức độ, không ảnh hưởng đến học tập và các sinh hoạt khác.

- Khi chơi phải chọn lọc, không chơi game bạo lực, không phù hợp lứa tuổi, tâm lí,…

- Gia đình, nhà trường có sự quan tâm đồng bộ, đúng mức.

**III. Kết bài**

- Tóm lại, Game có mặt lợi, mặt hại.

- Hãy nói “không” với nghiện game.

**Chuyên đề 5:** Ôn tập Tiếng Việt (Câu)

**I. Các kiểu câu chia theo mục đích nói**

**1. Ôn tập kiến thức**

**Các kiểu câu phân theo mục đích nói**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Kiểu câu** | **Đặc điểm hình thức và chức năng, ví dụ** |
| **1.** | **Câu nghi vấn** | **\* Câu nghi vấn là câu:**  - Có những từ nghi vấn **(ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ, (có) … không, (đã)… chưa,…)** hoặc có từ **hay** (nối các vế có quan hệ lựa chọn).  - Có chức năng chính là dùng để hỏi.  \* Khi viết, câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi.  **VD: Hôm nay, bạn có đi học không ?** ⭢ Hỏi  \*Trong nhiều trường hợp câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... và không yêu cầu người đối thoại trả lời. Nếu không dùng để hỏi thì trong một số trường hợp, câu nghi vấn có thể kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.  **VD: Bạn có thể cho mình mượn cây viết được không?** ⭢ câu nghi vấn dùng để cầu khiến |
| **2.** | **Câu cầu khiến** | **\* Câu cầu khiến** là câu có những từ cầu khiến như: **hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào,...** hay ngữ điệu cầu khiến; dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo...  \* Khi viết, câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.  **VD:** - **Bạn hãy học bài đi!**   * **Bạn lấy giùm tôi cây viết.** |
| **3.** | **Câu cảm thán** | \* **Câu cảm thán** là câu có những từ cảm thán như: **ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ơi (ôi), trời ơi; thay, xiết bao, biết bao, biết chừng nào,...** dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói hoặc người viết, xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hằng ngày hay ngôn ngữ văn chương.  - Khi viết, câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.  **VD: Trời ơi! Sao mà khổ quá.** |
| **4.** | **Câu trần thuật** | **\* Câu trần thuật** không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán; thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả,..  - Ngoài những chức năng trên đây, câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc... (vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác).  \* Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.  \* Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp.  **VD: Đầu tháng năm, chúng ta sẽ kiểm tra học kì II tất cả các môn. ⭢** thông báo sự việc |
| **5.** | **Câu phủ định** | **\* Câu phủ định** là câu có những từ ngữ phủ định như: **không, chưa, chẳng, chả, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có) .....**  \* Câu phủ định dùng để:  - Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (Câu phủ định miêu tả)  VD: **Tôi không đi chơi.**  - Phản bác một ý kiến, một nhận định. (Câu phủ định bác bỏ).  VD:- Đẹp **gì** mà đẹp.   * Lan **đâu có** đi học. |

**2. Luyện tập**

**Bài 1:**  Xác định kiểu câu theo mục đích nói cho các câu sau :

*Mẹ đã mua được ti vi chưa ?*

*Bạn Lan hỏi mẹ đã mua được ti vi chưa.*

*Hãy hỏi mẹ đã mua được ti vi chưa.*

*A, mẹ đã mua được ti vi rồi!*

*Mẹ không mua ti vi.*

**Bài 2.** Viết đoạn đối thoại sử dụng các kiểu câu theo mục đích khác nhau hoặc lựa chọn câu theo mục đích nội để biểu thị sự lễ phép, lịch sự, phù hợp với hoàn cảnh nói. Ví dụ :

Đặt đoạn đối thoại giữa Lan và Huệ về đề tài một câu chuyện ưa thích có sử dụng nhiều kiểu câu theo mục đích nói.

Em thích được mẹ mua cho một chiếc cặp mới. Em sẽ nói với mẹ thế nào để thể hiện sự lễ phép, tinh tế ?

Cách làm bài tập :

Nếu đề yêu cầu đặt đoạn đối thoại thì cần :

- Xác định đề tài (trao đổi với nhau về chuyện gì) các nhân vật tham gia, mục đích của đối thoại.

- Đặt các câu đối thoại cho các nhân vật theo trật tự hợp lí và gắn với đề tài cuộc trao đổi.

Chen lẫn các câu kể, câu dẫn của người viết cho các câu hỏi, trả lời của các nhân vật.

**II.** **Hành động nói**:

**1. Ôn tập kiến thức**

- **Hành động nói** là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm những mục đích nhất định.

**- Những kiểu hành động nói thường gặp là :**

+ Hành động hỏi ***( Bạn làm gì vậy ? )***

+ Hành động trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến, dự đoán..) ***( Ngày mai trời sẽ mưa. Bông hoa màu đỏ)***

+ Hành động điều khiển (cầu khiến, đe dọa, thách thức,.)***( Bạn giúp tôi trực nhật nhé! )***

+ Hành động hứa hẹn ***. (Hè này nhất định con sẽ về thăm ngoại.)***

+ Hành động bộc lộ cảm xúc. ***(Ôi , cây viết này đẹp quá !)***

**- Mỗi hành động nói:***có thể được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó*(**cách dùng trực tiếp**) hoặc bằng kiểu câu khác (**cách dùng gián tiếp**)

**VD1**: ***Tôi hứa với anh là ngày mai tôi sẽ đến sớm.***

⭢Kiểu câu trần thuật,

=> thực hiện kiểu hành động hứa hẹn ⭢ **Cách dùng trực tiếp**.

**VD2**: ***Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả?***

⭢Kiểu câu nghi vấn,

=>thực hiện hành động hỏi ⭢ **Cách dùng trực tiếp.**

**VD3**: ***Sao cụ lo xa quá thế?*** -> Kiểu câu nghi vấn,

=>thực hiện kiểu hành động bộc lộ cảm xúc ⭢ **Cách dùng gián tiếp.**

**VD4**: ***Xin lỗi, anh có thể tắt thuốc lá đi được không?*** **⭢**Kiểu câu nghi vấn,

* thực hiện kiểu hành động điều khiển ⭢ **Cách dùng gián tiếp**.

**2. Luyện tập**

1. Xác định hành động nói cho những câu in đậm sau. Cho biết chúng thuộc nhóm hành động nào?

a. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

**-Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.**

b. Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi:

– Hồng! **Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?**

c. Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

**– (1) Mày trói ngay chồng bà đi, (2) bà cho mày xem!**

d. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Dế Choắt lên mà than rằng:

**– Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này!**

e. Tôi nghe thấy thầy Ha-men bảo tôi:

**– Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu.**

g. Có người khẽ nói:

**– Bẩm, dễ có khi đê vỡ!**

2. Đặt câu để thực hiện:

– Một hành động thuộc nhóm trình bày;

– Một hành động thuộc nhóm điều khiển;

– Hành động hỏi;

– Một hành động thuộc nhóm hứa hẹn;

– Một hành động thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc;

3. Những câu sau đây dùng để thực hiện hành động nói nào?

a. Em cam đoan những điều trên là đúng sự thật.

b. (1) Kính chào nữ hoàng. (2) Chắc bây giờ nữ hoàng đã thoả lòng rồi chứ?

c. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

d. Cảm ơn cụ, (nhà cháu đã tỉnh táo như thường).

4. Các hành động nói ở những câu sau được thực hiện trực tiếp hay gián tiếp?

a. (Thằng kia!) (1) Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? (2) Nộp tiền sưu! (3) Mau!

b. (1) Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dậy các con.(2) Lệnh từ Béc-lin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An- dát và Lo-ren… (3) Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. (4) Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. (5) Thầy mong các con hết sức chú ý.

**GỢI Ý**

**Bài 1**. a. hành động mời (điều khiển).

b. hành động hỏi

c. (1) hành động thách thức (điều khiển).

(2) hành động đe doạ (hứa hẹn).

d. hành động ân hận (bộc lộ cảm xúc).

e. hành động hứa ( hứa hẹn).

g. hành động cảnh báo (trình bày).

**Bài 3.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Hành động nói | Cách thực hiện |
| a. | Hứa hẹn(cam đoan) | dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói. |
| b.(1) | Bộc lộ cảm xúc(chào) | dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói. |
| b.(2) | Hỏi | dùng câu nghi vấn trực tiếp |
| c. | Điều khiển(van) | dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói. |
| d. | Bộc lộ cảm xúc (cảm ơn) | dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói |

**Bài 4**. Các hành động nói và cách thực hiện ở các câu đã cho được xác định như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Hành động nói | Cách thực hiện |
| a (1) | trình bày | dùng câu nghi vấn gián tiếp |
| a (2) | điều khiển | dùng câu cầu khiến trực tiếp |
| a (3) | điều khiển | dùng câu cầu khiến trực tiếp |
| b (1) | trình bày | dùng câu trần thuật trực tiếp |
| b (2) | trình bày | dùng câu trần thuật trực tiếp |
| b (3) | trình bày | dùng câu trần thuật trực tiếp |
| b (4) | trình bày | dùng câu trần thuật trực tiếp |
| b (5) | điều khiển | dùng câu trần thuật gián tiếp |

**Chuyên đề 6, 7: Ôn tập tổng hợp và luyện đề theo cấu trúc đề khảo sát chất lượng đầu năm môn Ngữ văn 9.**

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích/ Văn bản**

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1. Phương thức biểu đạt chính:**

+ **Nghị luận (** Trình bày ý kiến, quan điểm; lập luận chặt chẽ,…)

**+ Tự sự (** Kể lại sự việc, nhân vật theo trình tự,…)

**+ Biểu cảm** ( Biểu đạt tình cảm, thái độ, khơi gợi sự đồng cảm,…)

**+ Thuyết minh** (Giới thiệu sự vật, hiện tượng,…)

**+ Miêu tả** (Tái hiện người, vật, việc,…)

**Câu 2.** **Nhận diện *từ ngữ, hình ảnh, sự việc, chi tiết*,…có trong đoạn trích.**

**Câu 3. Tiếng Việt**

**a. Kiểu câu**

**- Câu nghi vấn (** Hỏi**: *ai, gì, tại sao*,… )**

**- Câu cầu khiến (** Ra lệnh, yêu cầu, đề nghị**,…: *hãy, đừng, đi*,…)**

**- Câu cảm thán (** Bộc lộ cảm xúc: ***ôi, hỡi ơi, chao ôi, biết bao*** ,,…)

**- Câu trần thuật** (***Kể, tả, thông báo, nhận định***,…)

- **Câu phủ định** (Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc; phản bác ý kiến,…: ***không, chẳng, đâu có, không phải,***…)

**b. Hành động nói:** Hỏi**,** trình bày**,** điều khiển**,** hứa hẹn**,** bộc lộ cảm xúc.

**Câu 4.**

- Trình bày quan điểm (đúng/ sai -> Giải thích?)

- Bài học.

**II. VIẾT ĐOẠN VĂN (2,0 điểm)**

**1. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về một vấn đề xã hội đặt ra trong văn bản ở phần Đọc hiểu.**

|  |
| --- |
| **1. Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.  **2. Thân đoạn**  - Giải thích cụm từ quan trọng/ Lí giải ý nghĩa cả câu.  - Bàn luận:  + Đặt câu hỏi: Vì sao? Tại sao? Biểu hiện? (Ý nghĩa/ Tác động/ Tác hại)  + Bình luận, chứng minh.  + Dẫn chứng phù hợp.  + Phản đề - bàn luận mở rộng vấn đề (Ca ngợi/ Phê phán) ?  **3. Kết đoạn**  Tóm lại,… rút ra bài học nhận thức và hành động. |

**GIỚI THIỆU (THAM KHẢO)**

**ĐỀ KIỂM TRA ĐẦU NĂM NGỮ VĂN 9 (2023-2024)**

**Đề 1.**

**Phần I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi dưới đây:

Một người cha dắt đứa con 6 tuổi đi sở thú chơi. Đến quầy bán vé người cha dừng lại đọc bảng giá:

Người lớn: 10.000 đồng. Trẻ em trên 5 tuổi: 5.000 đồng. Trẻ em dưới 5 tuổi: “Miễn phí”

Đọc xong ông nói với người bán vé:

- Cho tôi một vé người lớn và một vé trẻ em trên 5 tuổi.

**- Con ông trên năm tuổi à?** – Người bán vé tò mò hỏi lại.

- Vâng.

- Nếu ông không nói cho tôi biết thì thằng bé được miễn phí rồi.

- Vâng, có thể không ai biết nhưng con tôi tự nó biết.

(Sưu tầm trên Internet)

**Câu 1(0,5 điểm)** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

**Câu 2(1,0 điểm)** Em hiểu câu nói của người bố:“*Vâng, có thể không ai biết nhưng con tôi tự nó biết”*như thế nào?

**Câu 3(1,0 điểm)** Câu in đậm xét theo mục đích nói thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?

**Câu 4(1,5 điểm)** Văn bản trên cho chúng ta bài học gì?

**II. Tập làm văn ( 6,0 điểm)**

Từ nội dung của văn bản trên, em hãy viết đoạn văn nghị luận (ít nhất 200 chữ) suy nghĩ về vai trò của đức tính trung thực trong cuộc sống.

**Gợi ý**

**Đề 1**

**Phần I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:Tự sự (0,5 điểm)

**Câu 2. (1,0 điểm)** Em hiểu câu nói của người bố là: Lời của người bố nói với người bán vé hay cũng chính là cách ông thể hiện việc răn dạy con qua những việc nhỏ nhặt nhất. Có thể họ sẽ đỡ tốn một ít tiền nếu nói dối nhưng ngược lại người con sẽ hiểu bố mình đang nói dối và nó có thề học theo,

( HS có thể có cách diễn đạt khác nhưng chỉ cần đúng ý là được)

**Câu 3 (1,0 điểm)**

- Câu nghi vấn (0,5 điểm)

- Thực hiện hành động hỏi (0,5 điểm)

**Câu 4 (1,5 điểm)**

Đây là dạng câu hỏi mở, HS có thể rút ra những bài học có ý nghĩa nhất với bản thân miễn sao hợp lí. Tùy mức độ có thể cho điểm phù hợp từ 0,25 đến 1,5 điểm.

Sau đây là một số gợi ý:

- Câu chuyện khuyên chúng ta dù sống hoàn cảnh nào cũng phải có được phẩm chất trung thực, vì như thế sẽ giúp chúng ta giữ được lòng tự trọng của mình.

- Cha mẹ hãy luôn là tấm gương sáng về đức tính trung thực cho con cái noi theo.

**II. Tập làm văn (6,0 điểm)**

**Yêu cầu**

a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn. Ít nhất 200 chữ (0,25 điểm)

Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:

- Nêu vấn đề:Đức tính trung thực có vai trò quan trọng trong cuộc sống.

- Thế nào là trung thực? Biểu hiện của trung thực?

+ Trung thực là ngay thẳng, thật thà. Có nghĩa là luôn nói đúng sự thật, không làm sai lạc đi sự thật.

+ Trong cuộc sống, người trung thực luôn thẳng thắn nhận lỗi khi mắc lỗi; không báo cáo sai sự thật; không tham lam lấy của người khác làm của mình…Trong học tập, không quay cóp, chép bài của bạn…

- Vai trò của đức tính trung thực:

+ Là một trong yếu tố quan trọng để đánh giá phẩm chất, nhân cách của mỗi người.

+ Giúp ta hoàn thiện nhân cách, được mọi người yêu quý, kính trọng, tin tưởng.

+ Trung thực giúp cho xã hội ngày càng trong sạch, văn minh, phát triển…

- Phê phán những biểu hiện sai trái, thiếu trung thực, hậu quả của không trung thực.

- Rèn luyện đức tính trung thực trong từng việc nhỏ hàng ngày. Lên án sự thiếu trung thực…

**Đề 2:**

**PHẦN I: ĐỌC – HIỂU (4,0 đ)**

                 Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

TIẾNG VỌNG RỪNG SÂU

Có một cậu bé ngỗ nghịch hay bị mẹ khiển trách. Ngày nọ giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu thét lớn:“Tôi ghét người”. Khu rừng có tiếng vọng lại:“Tôi ghét người”. Cậu bé hốt hoảng quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng lại có tiếng người ghét cậu. Người mẹ cầm tay con, đưa cậu trở lại khu rừng. Bà nói: “Giờ thì con hãy hét thật to: Tôi yêu người”. Lạ lùng thay, cậu bé vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người”. Lúc đó, người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì ắt gặt bão. Nếu con thù ghét thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”.

                                               (Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Trẻ, 2002)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2: Xác định kiểu câu được sử dụng ở câu văn sau: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta.”

Câu 3: Em hiểu như thế nào về lời khuyên của người mẹ ở cuối văn bản.

Câu 4: Thông điệp mà câu chuyện đã mang đến cho người đọc là gì?

PHẦN II: LÀM VĂN (6,0 điểm)

 Từ  nội dung văn bản phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề Cho và Nhận trong cuộc sống.

**ĐÁP ÁN GỢI Ý**

**PHẦN I: ĐỌC – HIỂU (4,0 ĐIỂM)**

1. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

2. Kiểu câu được sử dụng trong câu văn là: Câu trần thuật

3. HS có thể có cách diễn đạt khác nhau, miễn là đúng ý và phù hợp là được.

Con sống ác, không tốt với mọi người thì con cũng sẽ phải nhận hậu quả không tốt, mọi người cũng sẽ thù ghét con. Còn ngược lại, con sống tốt và biết yêu thương mọi người thì con sẽ được nhận lại những điều tốt đẹp ấy. Đó là quy luật trong cuộc sống.

4. Đây là dạng câu hỏi mở, HS có thể lựa chọn thông điệp có ý nghĩa nhất với bản thân nhưng cần đảm bảo các yêu cầu:

Thông điệp:

+ Con người nếu cho đi những điều gì sẽ nhận lại được những điều như vậy, cho đi điều tốt đẹp sẽ nhận được điều tốt đẹp.

+ Giữa cuộc sống bộn bề lo âu, chúng ta rất cần những yêu thương và sẻ chia, dù nó bình dị, nhỏ nhoi nhưng đó là một tấm lòng đáng trân trọng. Trao đi yêu thương để nhận lại yêu thương vốn dĩ là một quy luật trong cuộc sống. Đó vẫn là một mối quan hệ nhân quả giữa “cho” và “nhận” mà đôi khi ta không nhận ra.

**PHẦN II: LÀM VĂN (6,0 điểm)**

a. Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn

b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Con người nếu cho đi những điều gì sẽ nhận lại được những điều như vậy, cho đi điều tốt đẹp sẽ nhận được điều tốt đẹp.

c. Triển khai vấn đề nghị luận: HS vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận, cần trình bày các ý sau:

\* Giải thích

- “Cho” chính là sự san sẻ, giúp đỡ, yêu thương xuất phát từ tâm, từ tim của một người. Dù “Cho” rất nhỏ, rất đời thường nhưng đó là cả một tấm lòng đáng quý.

- “Nhận” chính là được đáp trả, được đền ơn.

- “Cho” và “Nhận” là một mối quan hệ nhân quả nhưng ẩn chứa trong đó rất nhiều mối quan hệ tương trợ, bổ sung cho nhau.

\* Bàn luận

a) Biểu hiện của cho và nhận

- Trong cuộc sống quanh ta, vẫn còn những mảnh đời bất hạnh, đau khổ cần rất nhiều sự sẻ chia, giúp đỡ, bao dung, rộng lượng.

- Chúng ta trao đi yêu thương chúng ta sẽ nhận lại sự thanh thản và niềm vui trong tâm hồn...

- Khi trao đi hạnh phúc cho người khác, chúng ta mới cảm thấy rằng cuộc sống của mình thực đáng sống và đáng trân trọng...

- Những người đang cho đi, đôi khi sự nhận lại không phải trong phút chốc, cũng không hẳn nó sẽ hiển hiện ngay trước mắt...

b) Ý nghĩa của cho và nhận

- Cho và nhận là những quy luật của tự nhiên và xã hội loài người...Cho và nhận xứng đáng được ngợi ca với tinh thần ta biết sống vì người khác, một người vì mọi người.

- Cho là một hạnh phúc, vì phải có mới cho được, điều đó càng có ý nghĩa khi cái ta cho không chỉ là vật chất, tiền bạc mà là lòng nhân ái.

- Xã hội càng phát triển, vấn đề cho và nhận càng được nhận thức rõ ràng. Trong cuộc sống, nếu chỉ cho mà không nhận thì khó duy trì lâu dài, nhưng nếu như cho và lại đòi hỏi được đền đáp thì sự cho mất đi giá trị đích thực của nó.

 (Lấy dẫn chứng thực tế để làm sáng tỏ)

\* Bàn luận mở rộng:

- Cho và nhận đáng phê phán khi: những kẻ tham lam tàn nhẫn sống trên mồ hôi nước mắt của người khác, kẻ tầm thường chỉ muốn nhận muốn vay mà không muốn cho, muốn trả.

 Phê phán một bộ phận lớp trẻ hiện nay chỉ biết nhận từ cha mẹ, từ gia đình, người thân… để rồi sống ích kỉ, vô cảm, không biết chia sẻ với bạn bè, đồng loại.

- Cuộc sống của mỗi người sẽ trở nên tầm thường nếu chỉ biết nhận mà không biết cho. Vì thế, sống, hãy đừng chỉ biết nhận lấy, mà còn học cách cho đi.

\* Bài học nhận thức và hành động

- Nhận thức: Hãy mở rộng lòng mình để cảm nhận cuộc sống.

- Hành động: Hãy yêu thương nhiều hơn, chia sẻ nhiều hơn để xã hội càng văn minh, để cái nắm tay giữa con người với con người thêm ấm áp./.

**Đề 3.**

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

***Nguyễn Hoàng Phúc (ấp Nhà Thờ, xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi; lớp 12C4, Trường THPT Bạc Liêu, TP. Bạc Liêu) đã vượt qua hơn 6.430 thí sinh toàn tỉnh để xuất sắc trở thành thủ khoa kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, đồng thủ khoa khối C với tổng điểm xét tuyển đại học là 28,5 điểm.***

*Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đặc biệt (cha bệnh viêm màng não di chứng, mẹ bán vé số,…), Phúc có vẻ trưởng thành hơn so với bạn bè đồng trang lứa.* ***Với Phúc, chỉ có học thật giỏi, đạt thành tích thật tốt trong học tập mới có thể đền đáp công ơn trời biển của cha mẹ.*** *Vậy là trừ thời gian sinh hoạt cá nhân, toàn thời gian còn lại Phúc đều dành cả cho việc học tập, ôn luyện. Trong mắt bạn bè, Phúc là Bí thư Chi đoàn nhiệt thành, năng nổ; là một tấm gương sáng về tinh thần tự học, ít bị cám dỗ bởi mạng xã hội, học giỏi đều tất cả các môn và đặc biệt Phúc chưa bao giờ “đầu hàng” trước bất kỳ một bài tập khó nhằn nào. Để đỡ đần cha mẹ, sau kỳ thi tốt nghiệp THPT, Phúc còn theo chân người thân đi vác ống thuê hơn một tuần để kiếm thêm thu nhập.*

*Với mong muốn truyền tải kiến thức, lan tỏa tình yêu lịch sử dân tộc đến thế hệ trẻ, và góp phần thay đổi cách nhìn của mọi người dành cho môn Sử, Phúc càng thêm quyết tâm chinh phục chuyên ngành Sư phạm Sử của Trường đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. Sau khi ra trường, nguyện vọng lớn nhất của Phúc là được giảng dạy môn Sử ở chính ngôi trường mình từng học cấp 3.*

(Trích *Nam sinh vùng ven trở thành thủ khoa tốt nghiệp THPT của tỉnh* – Kim Trúc, Báo Bạc Liêu, ngày 29/07/2022)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1. (0,5 điểm)** Xác địnhphương thức biểu đạt chính.

**Câu 2. (1,0 điểm)** Nguyễn Hoàng Phúc đạt kết quả như thế nào trong kì thi tốt nghiệp THPT năm 2022?

**Câu 3. ( 1,0 điểm)** Xét theo mục đích nói, câu in đậm thuộc kiểu câu gì? Em hãy chỉ ra dấu hiệu hình thức và chức năng của kiểu câu vừa phát hiện.

**Câu 4. (1,5 điểm)** Em rút ra bài học gì cho bản thân từ đoạn trích?

**II. LÀM VĂN (6,0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (ít nhất 200 chữ) bàn về ý chí, nghị lực trong cuộc sống.